

Số: 03 /GPMT-UBND

Quảng Yên, ngày 18 tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND thị xã Quảng Yên về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thị xã nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 788/UBND ngày 24/6/2013 của UBND thị xã Quảng Yên "Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Nhà máy nước Quảng Yên"

Căn cứ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 396/GP-TNMT ngày 05/9/2014 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 về việc chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; thu hồi đất và cho công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tiếp tục thuê để xây dựng trụ sở và các công trình cấp nước tại Thành phố Hạ Long; huyện Hoành Bồ; Thành phố Uông Bí; Thị xã Quảng Yên;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Quảng Yên tại Tờ trình số 2260/TTr-TNMT ngày 28/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh, địa chỉ tại Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long được

thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy nước Quảng Yên” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nước Quảng Yên

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 5700100104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25/08/2010 và thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 5700100104

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cấp nước sinh hoạt

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích: 17.241m².

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C.

- Công suất: Tổng công suất 4.400m³/ngày đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện theo yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thị xã Quảng Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, UBND phường Quảng Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Quảng Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 396/GP-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/9/2014 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND phường Quảng Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trạm cấp nước tại phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND phường Quảng Yên, Giám đốc Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND thị xã (B/c);
- Các phòng: QLĐT, TC-KH;
- Trung tâm hành chính công thị xã;
- Cổng Thông tin điện tử của thị xã;
- V0, V1, V2, V3.
- Lưu: VT, TNMT (02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bắc



Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *11.03* /GPMT-UBND ngày *18* / *7* /2024 của UBND thị xã Quảng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp (không phát sinh).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Hệ thống thoát nước chung của khu vực

2.2. *Vị trí xả nước thải:*

- Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Hệ thống nước chung của phường Quảng Yên.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2316816, Y= 40317 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 0,075m³/ngày.đêm

+ Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất: 0,075m³/ngày.đêm

+ Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Không phát sinh (Nước thải công nghiệp lớn nhất phát sinh được tuần hoàn lại, không xả ra môi trường).

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:*

- Dòng số 01: Liên tục (24 giờ/ngày đêm)
- Dòng số 02: Không phát sinh.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

Chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,2 ứng với Cơ sở sản xuất dưới 500 người):

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200		
5.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10.	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11.	Coliform	MPN/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của CBCNV (nguồn số 01):
 - + Nước thải xí tiêu, bồn cầu → đường ống D110 → Bể tự hoại → Hồ thu gom bổ sung viên nén khử trùng → Hệ thống thoát nước chung
 - + Nước thoát sàn, nước rửa tay → đường ống D90 → hồ ga Hồ thu gom bổ sung viên nén khử trùng → Hệ thống thoát nước chung.
- Nước thải công nghiệp (nguồn số 02):
 - + Nước thải công nghiệp phát sinh được dẫn về hồ lắng 1 để lắng đọng chất rắn lơ lửng. Bùn lắng đọng xuống đáy và được nạo hút định, phần nước trong sẽ được tuần hoàn và tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt
 - + Bể tự hoại ba ngăn: Số lượng 01 bể
 - + Quy trình, công nghệ xử lý: Lắng cặn và lên men kỵ khí.

Tóm tắt quy trình công nghệ bể tự hoại 3 ngăn: Nước thải được chảy qua các ngăn chứa, dưới tác động của vi khuẩn kỵ khí để phân hủy các chất hữu cơ. Hóa chất xử lý: Men vi sinh, sử dụng định kỳ 3 đến 6 tháng 1 lần.

+ Nước thải xí tiêu, bồn cầu → đường ống D110 → bể tự hoại 3 ngăn → nước khử trùng → hố gom → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thoát sàn (theo đường ống D90) → song chắn rác → nước khử trùng → Hố thu gom → Hệ thống thoát nước khu vực.

- Công suất xử lý: 01 bể tự hoại ba ngăn, dung tích 6m³/bể, bể đặt ngầm sau nhà vệ sinh chung.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh, men vi sinh bổ sung vào ngăn kỵ khí. Sử dụng định kỳ từ 03-06 tháng/lần hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này.

- Đối với bùn cặn phát sinh: Hợp đồng với đơn vị có chức năng, định kỳ hút bùn đi xử lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại các bể gom hoặc các thiết bị rời để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Bố trí nhân sự theo dõi thường xuyên các quá trình vận hành tại nhà máy để kịp thời xử lý tình huống và sự cố phát sinh, đảm bảo không rò rỉ phát sinh nước thải chưa xử lý ra môi trường. Hàng năm thực hiện kiểm tra duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải đầu ra để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ thu gom, xử lý bùn, bùn phát sinh ở bể tự hoại để đảm bảo xử lý nước thải đạt hiệu quả.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình xử lý nước thải của Cơ sở.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ cơ sở xây dựng, đã được Tổ kiểm tra của UBND thị xã kiểm tra, thông qua theo quy định).

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *CB* /GPMT-UBND ngày *28/8* /2024
của UBND thị xã Quảng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Cơ sở.

- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực xe ra vào Cơ sở.

- Ống thoát khí từ máy phát điện dự phòng: Tọa độ: X = 2316799; Y = 403152

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Vận hành, sử dụng các thiết bị theo đúng quy trình, quy phạm; hạn chế vận hành đồng thời đối với những thiết bị có thể phát ra tiếng ồn lớn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh khu vực Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị, phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng hoạt động tốt. Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị

trong quá trình vận hành. Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bôi trơn máy móng hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Cán bộ công nhân viên làm việc liên tục tại các khu vực có tiếng ồn cao, phải được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

- Sử dụng móng bê tông và lắp đặt đệm giảm chấn để chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Các phương tiện ra vào yêu cầu di chuyển tốc độ dưới 5km/h, không bấm còi; các phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu,... phải tắt máy trong quá trình bốc dỡ, hạn chế bóp còi tại khu vực nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **03** /GPMT-UBND ngày **28** / **8** /2024
của UBND thị xã Quảng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải mềm, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg/năm	3
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg/năm	12
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg/năm	1
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg/năm	2
5	Pin và ắc quy khác	19 06 05	Kg/năm	2
6	Chất thải có tính ăn mòn	19 12 04	Kg/năm	3
7	Hoá chất vô cơ thải bao gồm các thành phần nguy hại	10 05 03	Kg/năm	1
	Tổng cộng			24

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Bùn lỏng	100 m ³ / năm
2	Vỏ bao đựng phen	36 kg/ năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	14,4

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa 120 l/thùng có nắp đậy kín, trên thùng ghi tên, mã chất thải và biển cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh thu và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Kho có trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại:

- Cơ sở thực hiện quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 24, Điều 25 và Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Bùn phát sinh từ các quá trình xử lý nước; được thu gom bởi đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Vỏ bao phen đặt trong kho hóa chất của Nhà máy; được thu gom bởi đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy dung tích 50 lít/ thùng.

- Thu gom tập kết rác thải hàng ngày và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định hoặc thu gom theo quy định của địa phương.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 03 /GPMT-UBND ngày 28/ 8 /2024 của UBND thị xã Quảng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. CÁC YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực Cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Cơ sở.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình vận hành Cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của Cơ sở, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu. Thực hiện đầy đủ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất./.